

TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP**DANH SÁCH SINH VIÊN XẾP THEO THỨ TỰ CHỖ NGỒI
LỄ TRAO BẰNG TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 4 NĂM 2026
NGÀY 21/4/2026***Sinh viên tập trung vào hội trường Rùa vào lúc 13 giờ 30*

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
1	B2011191	Hoàng Ngọc Triều	Bảo vệ thực vật	
2	B2011257	Dương Trường Giang	Bảo vệ thực vật	
3	B2102644	Võ Hoài Hưng	Bảo vệ thực vật	
4	B2102646	Trần Văn Chí Khanh	Bảo vệ thực vật	
5	B2102648	Hồ Nguyễn Đăng Khoa	Bảo vệ thực vật	
6	B2102666	Nguyễn Thị Kiều Ngân	Bảo vệ thực vật	
7	B2102669	Trần Thị Mỹ Ngọc	Bảo vệ thực vật	
8	B2102685	Trần Duy Tân	Bảo vệ thực vật	
9	B2102706	Nguyễn Thanh Thảo Vi	Bảo vệ thực vật	
10	B2102715	Đinh Ngô An Bình	Bảo vệ thực vật	
11	B2102736	Lê Hữu Khang	Bảo vệ thực vật	
12	B2102773	Lê Nguyễn Huệ Quyên	Bảo vệ thực vật	
13	B2109501	Nguyễn Trung Hậu	Bảo vệ thực vật	
14	B2109511	Nguyễn Thị Diễm Mi	Bảo vệ thực vật	
15	B2109513	Lê Minh Ngoan	Bảo vệ thực vật	
16	B2109521	Chau Phách	Bảo vệ thực vật	
17	B2109546	Trương Quang Bình	Bảo vệ thực vật	
18	B2109548	Lê Nguyễn Trường Giang	Bảo vệ thực vật	
19	B2109570	Chau Phi Nít	Bảo vệ thực vật	
20	B2202709	Đoàn Trọng Anh	Bảo vệ thực vật	
21	B2202712	Thạch Trường Dĩ	Bảo vệ thực vật	
22	B2202713	Nguyễn Quốc Duy	Bảo vệ thực vật	
23	B2202714	Nguyễn Thị Thùy Dương	Bảo vệ thực vật	
24	B2202717	Dương Hải Đăng	Bảo vệ thực vật	
25	B2202723	Lê Trúc Huỳnh	Bảo vệ thực vật	
26	B2202726	Phan Đình Khôi	Bảo vệ thực vật	
27	B2202731	Trần Thị Kim Ngân	Bảo vệ thực vật	
28	B2202735	Lê Thành Phát	Bảo vệ thực vật	
29	B2202750	Ngô Minh Tiến	Bảo vệ thực vật	
30	B2202754	Võ Thị Bích Tuyền	Bảo vệ thực vật	
31	B2202757	Kha Thị Tường Vy	Bảo vệ thực vật	
32	B2202769	Lê Chí Hải	Bảo vệ thực vật	
33	B2202773	Võ Hoàng Huy	Bảo vệ thực vật	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
34	B2202775	Nguyễn Hồng Khang	Bảo vệ thực vật	
35	B2202794	Nguyễn Trung Tạo	Bảo vệ thực vật	
36	B2003068	Huỳnh Thanh Huy	Bảo vệ thực vật	
37	B2202771	Bùi Văn Hiếu	Bảo vệ thực vật	
38	B2102704	Phan Vĩ Tường	Bảo vệ thực vật	
39	B2012288	Quách Bình An	Chăn nuôi	
40	B2103631	Nguyễn Trọng Nhân	Chăn nuôi	
41	B2103632	Trần Anh Nhật	Chăn nuôi	
42	B2103638	Ngô Thanh Phụng	Chăn nuôi	
43	B2103664	Dương Hữu Vinh	Chăn nuôi	
44	B2104259	Phan Văn Thắng	Chăn nuôi	
45	B2110172	Trương Quốc Lương	Chăn nuôi	
46	B2110185	Huỳnh Minh Thuận	Chăn nuôi	
47	B2203974	Lý Hoài Ân	Chăn nuôi	
48	B2203977	Nguyễn Tấn Dũng	Chăn nuôi	
49	B2203978	Lê Hữu Dương	Chăn nuôi	
50	B2203979	Phạm Văn Đây	Chăn nuôi	
51	B2203982	Dương Ngọc Hân	Chăn nuôi	
52	B2203983	Lý Trí Huy	Chăn nuôi	
53	B2203984	Phạm Thị Diễm Hương	Chăn nuôi	
54	B2203985	Nguyễn Hoàng Khang	Chăn nuôi	
55	B2203987	Võ Đăng Khoa	Chăn nuôi	
56	B2203990	Nguyễn Kim Trúc Linh	Chăn nuôi	
57	B2203992	Bùi Bảo Nghĩa	Chăn nuôi	
58	B2203994	Từ Hoài Nhớ	Chăn nuôi	
59	B2204000	Từ Duy Tân	Chăn nuôi	
60	B2204001	Đoàn Văn Thái	Chăn nuôi	
61	B2204002	Nguyễn Thị Thu Thảo	Chăn nuôi	
62	B2204003	Nguyễn Hoàng Thân	Chăn nuôi	
63	B2204004	Phan Thị Ngọc Thê	Chăn nuôi	
64	B2204006	Nguyễn Thụy Anh Thụy	Chăn nuôi	
65	B2204009	Võ Thị Quỳnh Trâm	Chăn nuôi	
66	B2204010	Huỳnh Ngọc Trinh	Chăn nuôi	
67	B2204011	Phạm Quốc Trung	Chăn nuôi	
68	B2204018	Phan Thị Bích Châm	Chăn nuôi	
69	B2204020	Huỳnh Thị Thùy Dương	Chăn nuôi	
70	B2204026	Huỳnh Thị Tú Huyền	Chăn nuôi	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
71	B2204028	Nguyễn Vũ Khang	Chăn nuôi	
72	B2204030	Trần Minh Khôi	Chăn nuôi	
73	B2204035	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Chăn nuôi	
74	B2204043	Nguyễn Trung Tấn	Chăn nuôi	
75	B2204049	Ngô Anh Thư	Chăn nuôi	
76	B2204051	Phạm Thùy Trang	Chăn nuôi	
77	B2204053	Cù Đình Trí	Chăn nuôi	
78	B2204056	Thái Chánh Trực	Chăn nuôi	
79	B2003962	Nguyễn Hữu Nhân	Chăn nuôi	
80	B2204016	Trần Lê Bảo Anh	Chăn nuôi	
81	B2204052	Cao Nhã Trân	Chăn nuôi	
82	B1806045	Đỗ Tuấn Đạt	Chăn nuôi	
83	B2110216	Phan Trọng Phúc	Chăn nuôi	
84	B2113150	Nguyễn Bình Long Kiên	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
85	B2113154	Nguyễn Thị Thùy Linh	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
86	B2113159	Trần Hoàng Mỹ Nghi	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
87	B2113163	Trần Thanh Oanh	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
88	B2113168	Trần Văn Thiệu	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
89	B2113172	Huỳnh Thị Thảo Trang	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
90	B2113173	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
91	B2106528	Nguyễn Tuấn Anh	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
92	B2113157	Đào Hoàn Mỹ	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
93	B2005911	Phan Thị Thủy Hằng	Sinh học ứng dụng	
94	B2112048	Bùi Nhật Minh	Sinh học ứng dụng	
95	B2112065	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	Sinh học ứng dụng	
96	B2112070	Nguyễn Văn Thà	Sinh học ứng dụng	
97	B1809781	Trần Thảo Linh	Sinh học ứng dụng	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
98	B2105754	Nguyễn Thị Trúc Mai	Sinh học ứng dụng	
99	B2105759	Lê Thị Thu Nga	Sinh học ứng dụng	
100	B2112029	Nguyễn Ngọc Chăm	Sinh học ứng dụng	
101	B2112046	Lý Quang Linh	Sinh học ứng dụng	
102	B2112061	Nguyễn Trần Thiên Nhi	Sinh học ứng dụng	
103	B2005913	Phạm Thị Thanh Hồng	Sinh học ứng dụng	
104	B2015047	Lê Hoàng Thi	Sinh học ứng dụng	
105	B1811786	Bùi Minh Tuấn	Khoa học cây trồng	Công nghệ giống cây trồng
106	B2106397	Trương Huỳnh Khang	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
107	B2106515	Võ Thị Như Thùy	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
108	B2106524	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
109	B2113115	Trần Văn Nghĩa	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
110	B2207268	Trần Đăng Khoa	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
111	B2113113	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
112	B2113066	Đỗ Hoài Nam	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
113	B2106463	Quách Gia Hào	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
114	B2106499	Nguyễn Thị Thuý Oanh	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
115	B2016645	Nguyễn Hữu Duy	Khoa học cây trồng	
116	B2106382	Bùi Quang Duy	Khoa học cây trồng	
117	B2106409	Nguyễn Ngọc Thảo My	Khoa học cây trồng	
118	B2106519	Đoàn Ngọc Trang	Khoa học cây trồng	
119	B2113053	Lê Duẩn	Khoa học cây trồng	
120	B2113077	Ngô Gia Phú	Khoa học cây trồng	
121	B2113081	Nguyễn Phương Thanh	Khoa học cây trồng	
122	B2113103	Bùi Gia Hân	Khoa học cây trồng	
123	B2113105	Lê Huệ Huỳnh	Khoa học cây trồng	
124	B2106380	Phạm Thanh Bình	Khoa học cây trồng	
125	B2106460	Nguyễn Tấn Đạt	Khoa học cây trồng	
126	B2113102	Huỳnh Thị Thúy Hà	Khoa học cây trồng	
127	B2106425	Huỳnh Trọng Phúc	Khoa học cây trồng	
128	B2106491	Phạm Lê Như Ngọc	Khoa học cây trồng	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
129	B2106509	Sơn Minh Thái	Khoa học cây trồng	
130	B2207260	Phạm Văn Tấn Đặng	Khoa học cây trồng	
131	B2109473	Cao Minh Lộc	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
132	B2109476	Đỗ Thị Ngọc Ngân	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
133	B2109493	Lê Phú Vinh	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
134	B2102595	Đinh Gia Hưng	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
135	B2109466	Nguyễn Phan Bảo Chấn	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
136	B2102591	Võ Anh Hào	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
137	B2101157	Nguyễn Huỳnh Trung Kiên	Nông học	
138	B2108050	Lê Duy Khánh	Nông học	
139	B2108076	Bùi Trung Tín	Nông học	
140	B2101137	Phan Văn Đầy	Nông học	
141	B2101124	Nguyễn Thái An	Nông học	
142	B2101139	Lê Huỳnh Đức	Nông học	
143	B2101174	Nguyễn Thị Tố Như	Nông học	
144	B1811606	Ngô Ngọc Kim	Thú y	
145	B2010870	Nguyễn Minh Kha	Thú y	
146	B2010987	Đoàn Trung Minh	Thú y	
147	B2010995	Nguyễn Ngọc Nghĩa	Thú y	
148	B2011004	Nguyễn Thị Thanh Nhi	Thú y	
149	B2100084	Trần Thị Mỹ Phụng	Thú y	
150	B2100086	Phan Văn Vũ Luân	Thú y	
151	B2102409	Nguyễn Thị Trúc Đào	Thú y	
152	B2102410	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Thú y	
153	B2102421	Dương Trần Yến Phương	Thú y	
154	B2102427	Võ Trang Thơ	Thú y	
155	B2102430	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thú y	
156	B2102431	Lê Văn Chí Tính	Thú y	
157	B2102452	Trương Tấn Phát	Thú y	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
158	B2102454	Chung Nguyễn Như Quỳnh	Thú y	
159	B2102462	Trần Xuân Tiên	Thú y	
160	B2102466	Lê Bé Vi	Thú y	
161	B2106941	Chau Thị Lin Đa	Thú y	
162	B2109293	Đoàn Quỳnh Anh	Thú y	
163	B2109297	Nguyễn Tuyết Băng	Thú y	
164	B2109300	Võ Mỹ Duyên	Thú y	
165	B2109305	Nguyễn Lê Thanh Hải	Thú y	
166	B2109306	Trần Thị Hận	Thú y	
167	B2109307	Trần Thị Diễm Hằng	Thú y	
168	B2109308	Nguyễn Thanh Hoài	Thú y	
169	B2109310	Huỳnh Thanh Hùng	Thú y	
170	B2109311	Dương Tấn Khang	Thú y	
171	B2109314	Huỳnh Nguyễn Tuấn Kiệt	Thú y	
172	B2109315	Huỳnh Kim	Thú y	
173	B2109316	Trịnh Ái Liên	Thú y	
174	B2109318	Nguyễn Tuyết Loan	Thú y	
175	B2109319	Huỳnh Trọng Minh	Thú y	
176	B2109320	Lê Thảo Ngân	Thú y	
177	B2109321	Nguyễn Thị Kim Ngân	Thú y	
178	B2109323	Trần Thị Thúy Ngọc	Thú y	
179	B2109324	Trần Thanh Nhân	Thú y	
180	B2109325	Cù Thị Yến Nhi	Thú y	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
181	B2109328	Phan Thị Hồng Phương	Thú y	
182	B2109330	Phạm Đình Quý	Thú y	
183	B2109331	Nguyễn Duy Tân	Thú y	
184	B2109332	Nguyễn Đình Thi	Thú y	
185	B2109334	Đặng Chương Anh Thư	Thú y	
186	B2109335	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Thú y	
187	B2109336	Trương Như Tiệp	Thú y	
188	B2109337	Huỳnh Trâm	Thú y	
189	B2109338	Dương Bảo Trân	Thú y	
190	B2109339	Đặng Nguyễn Thành Trung	Thú y	
191	B2109340	Phạm Diệp Nguyễn Minh Tuyết	Thú y	
192	B2109342	Đặng Đình Văn	Thú y	
193	B2109344	Nguyễn Ngọc Diễm Xuân	Thú y	
194	B2109345	Nguyễn Thị Minh Ý	Thú y	
195	B2109346	Nguyễn Như An	Thú y	
196	B2109348	Huỳnh Nguyễn Gia Bảo	Thú y	
197	B2109349	Phạm Gia Bảo	Thú y	
198	B2109350	Dương Tiểu Băng	Thú y	
199	B2109351	Trần Băng Băng	Thú y	
200	B2109356	Nguyễn Tấn Đước	Thú y	
201	B2109357	Huỳnh Hữu Hào	Thú y	
202	B2109358	Nguyễn Ngọc Hải	Thú y	
203	B2109359	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Thú y	
204	B2109361	Mai Văn Hiếu	Thú y	
205	B2109363	Trần Thị Như Huỳnh	Thú y	
206	B2109364	Nguyễn Quốc Hưng	Thú y	
207	B2109368	Nguyễn Viết Anh Kiệt	Thú y	
208	B2109370	Lê Hoàng Linh	Thú y	
209	B2109372	Chau Khải Minh	Thú y	
210	B2109377	Lâm Chí Nguyên	Thú y	
211	B2109378	Mai Thống Nhất	Thú y	
212	B2109379	Nguyễn Ngọc Tô Như	Thú y	
213	B2109381	Nguyễn Hoàng Phúc	Thú y	
214	B2109382	Lưu Minh Quân	Thú y	
215	B2109385	Bùi Vinh Thế	Thú y	
216	B2109386	Lý Hoàng Thiện	Thú y	
217	B2109389	Nguyễn Kiều Tiên	Thú y	
218	B2109390	Nguyễn Hồng Yến Trang	Thú y	
219	B2109397	Phan Ngọc Anh Vy	Thú y	

Số thứ tự chỗ ngồi	Mã số SV	Họ tên	Ngành	Chuyên ngành
220	B2109398	Lâm Thiên Ý	Thú y	
221	B2010930	Nguyễn Quốc Tiến	Thú y	
222	B2100085	Nguyễn Thị Kiên Hoàng	Thú y	
223	B1904759	Nguyễn Thị Xuân Mai	Thú y	
224	B1904749	Phạm Huỳnh Minh Khôi	Thú y	
225	B2010865	Lâm Trần Quốc Huy	Thú y	
226	B2010882	Lê Khải Minh	Thú y	